

Số: 24/2017/CBTT-FTM

Thái Bình, ngày 20 tháng 10 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Mã chứng khoán: FTM

Trụ sở chính: Lô A3 KCN Nguyễn Đức Cảnh – TP. Thái Bình – T. Thái Bình

Điện thoại: 02273.845.379

Fax: 02273.845.305

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Mai – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Tại SN 12 ngõ 326 đường Lý Thường Kiệt, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân công bố thông tin Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017.

Thông tin này đã được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 20/10/2017 tại Website: www.fortex.com.vn.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS;
- Lưu.

Thái Bình, ngày 20 tháng 10 năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Mai

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 3-2017

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 27

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
QUÝ 3-2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/9/2017	Tại ngày 01/7/2017
A. Tài sản ngắn hạn	100		991 667 287 835	928 139 614 331
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	75 361 395 198	63 741 477 184
1. Tiền	111	5.1	75 141 395 198	63 190 925 403
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.1	220 000 000	550 551 781
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			220 000 000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			220 000 000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		785 322 402 877	727 317 222 765
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	408 674 992 629	385 346 594 888
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	163 006 045 820	128 930 545 745
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			80 446 000 000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	213 641 364 428	132 594 082 132
IV. Hàng tồn kho	140		126 460 287 462	128 452 992 376
1. Hàng tồn kho	141	5.5	126 460 287 462	128 452 992 376
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4 523 202 298	8 407 922 006
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			3 799 997 155
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	5.12	4 523 202 298	4 607 924 851
B. Tài sản dài hạn	200		775 860 704 766	779 153 393 036
I. Tài sản cố định	220		717 352 512 565	736 267 196 266
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	716 796 915 731	736 267 196 266
- Nguyên giá	222	5.6	1003 879 142 761	1003 767 196 761
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	5.6	(287 082 227 030)	(267 500 000 495)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	555 596 834	
- Nguyên giá	228	5.6	588 279 000	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	5.6	(32 682 166)	
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		21 735 676 815	22 318 901 815
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.4	21 735 676 815	22 318 901 815
III. Tài sản dài hạn khác	260	5.7	36 772 515 386	20 567 294 955
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	20 609 225 655	4 404 005 224
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	5.7	16 163 289 731	16 163 289 731
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		1767 527 992 601	1707 293 007 367

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
QUÝ 3-2017

C. Nợ Phải trả	300		1202 897 856 626	1148 740 948 224
I. Nợ ngắn hạn	310		763 148 345 336	708 991 436 934
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	239 869 460 033	145 501 596 751
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	12 901 485 437	7 146 846 415
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.12	7 412 243 228	16 923 297 840
4. Phải trả người lao động	314		4 794 104 436	4 587 250 000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.8	67 055 805 113	58 901 992 037
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.9	30 998 232 042	29 866 023 532
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	398 243 984 410	444 141 399 722
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1 873 030 637	1 923 030 637
II. Nợ dài hạn	330		439 749 511 290	439 749 511 290
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.8	112 121 024 039	112 121 024 039
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	327 628 487 251	327 628 487 251
D. Vốn chủ sở hữu	400		564 630 135 975	558 552 059 143
I. Vốn chủ sở hữu	410		564 630 135 975	558 552 059 143
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.17	500 000 000 000	500 000 000 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500 000 000 000	500 000 000 000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3 768 680 945	3 768 680 945
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60 861 455 030	54 783 378 198
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36 788 729 167	36 788 729 167
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24 072 725 863	17 994 649 031
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		1767 527 992 601	1707 293 007 367



Nguyễn Thị Mai
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 3-2017

Đơn vị tính: VND

Mã	Chỉ tiêu	Quý 3		Lũy kế 9 tháng	
		Quý 3 năm 2017	Quý 3 năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	338 012 275 418	222 998 371 208	924 792 720 453	827 187 895 352
02	2. Các khoản giảm trừ		0	0	517 055 970
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	338 012 275 418	222 998 371 208	924 792 720 453	826 670 839 382
11	4. Giá vốn hàng bán	313 282 736 427	189 921 279 221	844 695 074 105	754 866 490 056
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	24 729 538 991	33 077 091 987	80 097 646 348	71 804 349 326
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	2 980 553 450	1 701 161 271	8 390 956 678	10 574 255 430
22	7. Chi phí tài chính	14 270 656 809	13 812 947 531	39 978 165 399	37 850 226 982
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	14 245 728 044	13 812 947 531	39 703 465 247	37 850 226 982
25	8. Chi phí bán hàng	1 292 816 641	1 270 362 818	3 832 504 009	4 917 373 904
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5 584 924 814	6 033 111 441	18 626 843 667	17 171 373 853
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	6 561 694 177	13 661 831 468	26 051 089 951	22 439 630 017
31	11. Thu nhập khác	14 362 262	9 113 540 615	623 786 530	11 396 816 136
32	12. Chi phí khác	5 162 567	9 375 619 129	16 402 769	9 845 835 687
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	9 199 695	(262 078 514)	607 383 761	1 550 980 449
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30 + 40)	6 570 893 872	13 399 752 954	26 658 473 712	23 990 610 466
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	492 817 040	311 939 866	2 585 747 849	1 542 469 606
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60 = 50 - 51 - 52)	6 078 076 832	13 087 813 088	24 072 725 863	22 448 140 860



Nguyễn Thị Mai
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy

Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
QUÝ 3-2017

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 3		Lũy kế 9 tháng	
		Quý 3 -2017	Quý 3 -2016	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6 570 893 872	13 399 752 954	26 658 473 712	23 990 610 466
2. Điều chỉnh cho các khoản					
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	19 614 908 701	20 081 434 570	59 081 240 747	59 206 045 448
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2 481 329 914)	186 487 948	(2 481 329 914)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	2 840 787 222	(16 414 278 938)	(49 197 719)	(7 541 184 779)
- Chi phí lãi vay	06	(14 245 728 044)	13 817 095 622	11 212 009 159	37 850 226 982
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14 780 861 751	28 402 674 294	97 089 013 847	111 024 368 203
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(55 180 034 707)	(11 859 008 862)	(200 636 865 364)	(104 633 251 220)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(12 175 871 707)	(3 393 039 963)	89 181 567 000	(49 916 675 173)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	97 324 613 718	(20 426 588 326)	61 185 050 182	9 339 934 456
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1 519 082 199	(913 538 627)	(656 016 002)	(1 954 982 049)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7 022 053 903)	(11 818 077 989)	(16 055 085 553)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6 296 382 209)		(6 296 382 209)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	88 617 388 996	3 521 528 217	88 617 388 996	3 521 528 217
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(9 124 695 080)	(384 383 376)	(9 124 695 080)	(384 383 376)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	119 464 962 961	(12 074 410 546)	107 540 983 381	(49 058 546 495)
				0	0
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(64 486 980)	(583 225 000)	(2 630 047 455)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(80 666 000 000)	
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	550 551 781		550 551 781	

Các thuyết minh từ trang 06 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	27	10 842 159	(2 708 775 600)	34 258 100	31 342 665
	30	561 393 940	(2 773 262 580)	(80 664 415 119)	(2 598 704 790)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	33	188 954 800 000	243 476 393 342	871 746 803 883	756 105 734 415
	34	(296 940 234 146)	(228 532 826 764)	(947 797 543 388)	(700 790 881 023)
1. Tiền thu từ đi vay	40	(107 985 434 146)	14 943 566 578	(76 050 739 505)	55 314 853 392
2. Tiền trả nợ gốc vay	50	12 040 922 755	95 893 452	(49 174 171 243)	3 657 602 107
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	60	63 190 925 403	10 152 738 419	124 288 942 622	6 473 952 985
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	61	129 547 040	(39 867 020)	246 623 819	77 209 759
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	70	75 361 395 198	10 208 764 851	75 361 395 198	10 208 764 851
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)					

ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ



Nguyễn Thị Mai
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hà
Kế toán trưởng



Hoàng Khắc Huy
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình. Công ty có văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh ở địa chỉ: Phòng 1408B, tòa nhà Vincom, số 72 đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 là 915 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 927 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 07 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng) tương ứng với 50.000.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 16 tháng 01 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số 16/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (FORTEX) niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Ngày 06 tháng 02 năm 2017, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân chính thức giao dịch với mã chứng khoán là FTM.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là Sản xuất và kinh doanh các loại bông sợi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017 cho mục đích cung cấp thông tin cho các cơ quan ban ngành theo quy định đối với một Công ty Niêm yết.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	08 - 22
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	02 - 10
Thiết bị văn phòng	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2017	01/07/2017
	VND	VND
Tiền mặt	5 829 277 119	177 141 267
Tiền gửi ngân hàng	69 312 118 079	63 013 784 136
Các khoản tương đương tiền	220 000 000	550 551 781
Cộng	75 361 395 198	63 741 477 184

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2017	1/7/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư Nguyễn Đức	24 386 827 360	24 386 827 360
Công ty TNHH sản xuất thương mại vận tải Minh Phúc	16 893 609 610	16 893 609 610
Công ty Cổ phần Tân An	97 144 857 648	89 812 233 495
Công ty CP phát triển xây dựng Vinaland	16 896 608 100	35 501 608 100
Công ty TNHH Dệt may Thiên Phú	23 504 974 900	23 937 164 980
Công ty TNHH TM & DVXK Thanh Nam	22 111 479 002	20 111 649 862
Công t cp đầu tư xd Tân Phú		13 649 410 287
Công ty TNHH SX & TM Thái Phương	22 404 001 214	20 719 272 979
SHAREWATT HOTELS LINENS AND AMENITIES INC	7 266 394 704	20 235 910 460
Smart shirts LTD		51 732 986 740
Các khoản phải thu khác	178 066 240 091	68 365 921 015
Cộng	408 674 992 629	385 346 594 888

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2017	01/07/2017
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn		
Công ty cổ phần đầu tư 3GR	40 796 794 859	71 418 893 846
Phạm Ngọc Tuyên - Đội trưởng đội XD	5 900 000 000	5 900 000 000
Lê Văn Kỳ- Đội trưởng đội XD	5 900 000 000	5 900 000 000
Công ty TNHH Thái Việt	13 790 162 963	13 790 162 963
Công ty TNHH XDTM DV Phú Hoàng Phát	56 361 900 200	23 101 900 200
		-
Đối tượng khác	40 257 187 798	8 819 588 736
Cộng	163 006 045 820	128 930 545 745

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2017	01/07/2017
	VND	VND
- Công ty CP tập đoàn Đại Cường	23 636 664 612	
- Công ty TNHH BĐS New City	61 218 125 000	
- Lãi phạt khách hàng trả Chậm	10 937 854 873	9 628 793 189
- Lãi cho cổ đông vay	2 497 199 943	7 613 768 943
- Công ty CP Bất động sản Đại Cường (*)	115 000 000 000	115 000 000 000
- Tạm ứng	351 520 000	351 520 000
Cộng	213 641 364 428	132 594 082 132

- (*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 30112016 ngày 30 tháng 11 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường. Theo đó Công ty đầu tư 115.000.000.000 đồng để đầu tư vào dự án Khu thương mại dịch vụ căn hộ và văn phòng cho thuê tại số 55 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường. Khoản đầu tư có thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Sau khi dự án thực hiện thành công, công ty được hưởng 3000m2 sàn thương mại văn phòng của dự án, tương đương 38,3 triệu đồng/m2 (đã bao gồm thuế GTGT) tại vị trí đã được phê duyệt theo thỏa thuận giữa 2 bên hoặc Công ty được hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn cộng một khoản lãi với lãi suất 15%/năm tính trên tổng số tiền nhà đầu tư đã thực góp. Tài sản đảm bảo cho khoản đầu tư này là 11.500.000 cổ phiếu của ông Lê Mạnh Thường tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2017	01/07/2017
	VND	VND
Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 (*)	10 596 218 253	10 596 218 253
Hệ thống phần mềm SAP và server (**)	11 139 458 562	11 722 683 562
Cộng	21 735 676 815	22 318 901 815

() Theo biên bản góp vốn ngày 29 tháng 12 năm 2015 và biên bản giao nhận tài sản góp vốn ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường đã góp vốn vào Công ty bằng chi phí đầu tư hệ thống phần mềm SAP và server đi kèm. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, Công ty vẫn đang trong quá trình phát triển tiếp hệ thống này trước khi đưa vào vận hành chính thức.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.5. Hàng tồn kho

	30/09/2017		01/07/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu vật liệu	68 370 737 161	-	51 688 795 333	-
Công cụ dụng cụ	1 839 002 801	-	15 736 713 226	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9 842 584 477	-	12 153 929 001	-
Thành phẩm	46 407 963 023	-	48 873 554 816	-
Hàng hoá	-	-	-	-
Cộng	126 460 287 462	-	128 452 992 376	-

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, Công ty có một số hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 16).

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa		Máy móc thiết bị	Phương tiện		Thiết bị văn phòng	Tổng
	Vật kiến trúc	VND		Vận tải	VND		VND
NGUYỄN GIÁ							
	Tại ngày 01/07/2017	165 413 913 297	836 667 828 918	1 621 818 182		63 636 364	1 003 767 196 761
	Mua trong quý	-		-		111 946 000	111 946 000
Tại ngày 30/09/2017		165 413 913 297	836 667 828 918	1 621 818 182		175 582 364	1 003 879 142 761
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
	Tại ngày 01/07/2017	21 368 330 191	245 699 871 063	416 553 010		15 246 232	267 500 000 495
	Khấu hao trong kỳ	2 118 168 283	17 412 887 797	49 181 809		1 988 646	19 582 226 535
Tại ngày 30/09/2017		23 486 498 474	263 112 758 860	465 734 819		17 234 878	287 082 227 030
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
	Tại ngày 01/07/2017	144 045 583 106	590 967 957 856	1 205 265 172		48 390 133	736 267 196 266
	Tại ngày 30/09/2017	141 193 248 196	574 230 963 955	1 213 356 063		158 347 516	716 796 915 731

,
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 là 716.796.915.731 đồng (tại ngày 01 tháng 07 năm 2017 là 736 267 196 266 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí trả trước

	30/9/2017	1/7/2017
	VNĐ	VNĐ
Chi phí trả trước dài hạn	36 772 515 386	20 567 294 955
Cộng	36 772 515 386	20 567 294 955

5.8. Chi phí phải trả

	30/09/2017	01/07/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	64 899 085 089	57 447 177 412
- Các khoản trích trước khác	2 156 720 024	1 454 814 625
Cộng	67 055 805 113	58 901 992 037
b) Dài hạn		
- Chi phí lãi vay (*)	112 121 024 039	11 121 024 039
Cộng	112 121 024 039	112 121 024 039

(*) Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01A/2014/HDODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTDĐT-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Thái Bình, số lãi vay phải trả dài hạn theo lịch trả nợ là 41.498.504.116 đồng (số dư lãi vay phải trả từ năm 2018 đến tháng 1 năm 2023) .

Theo Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD – NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Thái Bình, số lãi vay phải trả dài hạn theo lịch trả nợ là 76.522.519.923 đồng. (Số dư lãi vay phải trả từ năm 2008 đến Quý 1 năm 2025)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.9. Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2017	01/07/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	629 657 600	562 238 600
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế, bảo hiểm thất Nghiệp	5 032 954 702	4 009 857 042
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25 335 619 740	25 293 927 890
Cộng	30 998 232 042	29 866 023 532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 30/9/2017		Ngày 01/07/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
OSC cotton Trading LLC	22 057 614 510	22 057 614 510	32 734 979 006	32 734 979 006
Công ty cổ phần Tân An			1 850 000 000	1 850 000 000
Tongzhou International Cotton Limited	29 900 332 392	29 900 332 392		
ONE COMMODITIES	39 279 107 948	39 279 107 948	17 110 328 648	17 110 328 648
MANJEET COTTON PVT. LTD	42 824 372 891	42 824 372 891	42 369 315 296	42 369 315 296
HENAN TONGZHOU COTTON TRADE CO.,LTD	34 761 770 489	34 761 770 489		
STRYKAR OVERSEAS LLP	33 874 066 955	33 874 066 955		
Toyoshima & Co., LTD			20 129 757 118	20 129 757 118
Om Shiva Commodities Hong Kong LTD				
UDAY COTTON INDUSTRIES	8 647 963 808	8 647 963 808		
Phải trả đối tượng khác	28 239 208 925	28 239 208 925	31 307 216 681	31 307 216 681
Cộng	239 869 460 033	239 869 460 033	145 501 596 751	145 501 596 751

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công ty TNHH XDTM DV Phú Hoàng Phát	30/9/2017	01/7/2017
Kelisha garments & weaving Co.,LTD JinJiang	11 703 028 100	6 672 274 560
Các đối tượng khác	1 198 457 337	474 571 855
Tổng cộng	12 901 485 437	7 146 846 415

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/07/2017		Số phải nộp		Số đã thực nộp/	
	VND		VND		Số đã khấu trừ	
Thuế giá trị gia tăng	1 496 683 711		8 638 745 279		6 063 597 534	3 068 147 559
Thuế xuất nhập khẩu	3 414 858		18 898 909		18 898 909	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14 646 131 622		14 646 131 622		10 330 717 142	4 315 414 480
Thuế thu nhập cá nhân	777 067 649		812 439 396		783 758 207	28 681 189
Các loại thuế khác	-		3 000 000		3.000.000	-
Cộng	16 923 297 840		24 119 215 206		16 199 971 792	7 412 243 228

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Phát sinh			Cuối kỳ (30/09/2017)
	Đầu kỳ (01/07/2017)	Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn ngân hàng	358 592 538 418	296 030 933 334	341 927 348 646	326 187 971 789
Vay bằng VND	135 646 779 847	61 125 595 455	60 337 923 972	136 434 451 330
Ngân hàng BIDV - CN bắc HN	135 646 779 847	61 125 595 455	60 337 923 972	136 434 451 330
Vay bằng USD	126 402 426 718	234 905 337 879	268 097 575 991	189 753 520 459
Ngân hàng BIDV - CN bắc HN	202 269 997 215	173 914 977 879	202 495 792 650	173 689 182 444
Ngân hàng HD bank - Chi nhánh Hải Phòng	20 675 761 356		20 613 668 841	62 092 515
Ngân hàng AGribank Chi nhánh Nam Hà Nội	-	60 990 360 000	44 988 114 500	16 002 245 500
Vay dài hạn đến hạn trả (Trình bày thuyết minh vay dài hạn)	85 548 861 304	-	13 492 848 683	72 056 012 621
Cộng	444 141 399 722	296 030 933 334	341 927 348 646	398 243 984 410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/1497403/HĐTD ngày 08 tháng 06 năm 2016. Hạn mức tín dụng ngắn hạn với số tiền tối đa là 400 tỷ đồng bao gồm cả Việt Nam Đồng và ngoại tệ quy đổi (hạn mức này đã bao gồm toàn bộ dư L/C và dư nợ ngắn hạn theo hạn mức cũ chuyển sang), trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn tối đa là 250 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động trong phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là: toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu trong nước, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ hợp đồng xuất khẩu; Số dư tài khoản tiền gửi của Công ty mở tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản phải thu từ hợp đồng kinh tế mà Công ty là người thụ hưởng; Đây chuyển máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm; Các tài sản đảm bảo khác của Công ty và bên thứ ba.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng (HDBank) theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1809/16/HĐTDHM-DN/099 ngày 10 tháng 06 năm 2016. Hạn mức cho vay không vượt quá 50 tỷ đồng. Mục đích vay vốn là thanh toán LC cho HDBank phát hành; thanh toán nhập khẩu bông xơ theo phương thức thanh toán trực tiếp, nhờ thu qua HDBank; thanh toán nhập khẩu bông, xơ thông qua ủy thác nhập khẩu; thanh toán tiền thu mua bông xơ do bên thứ ba nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài, thanh toán tiền mua bông xơ từ các đơn vị sản xuất trong nước; thanh toán tiền điện, tiền lương công nhân. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: Tiền gửi, sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi tại HDBank thuộc quyền sở hữu sử dụng của Công ty; Nhà cửa vật kiến trúc trên đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 17 tại KCN Nguyễn Đức Cảnh; Máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất sợi OE; Lô hàng nhập khẩu là bông, xơ hình thành trong tương lai được thanh toán hoặc bảo lãnh thư tín dụng qua HD Bank; Nguyên vật liệu là bông, xơ tại kho được nhập khẩu, mua trong nước bằng vốn tự có hoặc vốn vay HD Bank; Sợi thành phẩm chờ xuất khẩu; Nguồn thu từ bộ chứng từ giao hàng xuất khẩu hoàn hảo theo LC thuộc quyền sở hữu của Công ty; Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.14. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/09/2017		Trong năm		01/07/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	Trả nợ VND	VND	VND	VND	Trả nợ VND
Vay dài hạn	327 628 487 251	327 628 487 251	-		327 628 487 251	67 348 208 075
Các khoản vay dài hạn của Công ty	67 348 208 075	67 348 208 075	-		67 348 208 075	67 348 208 075
Vay tổ chức tín dụng bằng VND						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	58 955 009 173	58 955 009 173	-		58 955 009 173	58 955 009 173
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (ii)	86 875 055	86 875 055	-		86 875 055	86 875 055
Vay tổ chức tín dụng bằng USD						
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (ii)	8 306 323 847	8 306 323 847	-		8 306 323 847	8 306 323 847
Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đại Cường	260 280 279 176	260 280 279 176	-		260 280 279 176	260 280 279 176
Vay tổ chức tín dụng bằng VND						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình (iii)	260 280 279 176	260 280 279 176	-		260 280 279 176	260 280 279 176
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv)			-			
Vay tổ chức tín dụng bằng USD						
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv)						
Cộng	327 628 487 251	327 628 487 251	-		327 628 487 251	327 628 487 251

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,

Cho kỳ hoạt động từ

Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình theo các hợp đồng vay vốn tín dụng như sau:
- Hợp đồng vay vốn tín dụng Đầu tư phát triển của Nhà nước số 03/2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTDĐT-NHPT ngày 31/12/2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn tín dụng Đầu tư phát triển của nhà nước tối đa là 90.400.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12/2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30/11/2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 7,8%, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là Tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB - Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.
 - Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/HĐTD ngày 10/01/2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31/12/2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn ODA tối đa là 34.600.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ tháng 2/2008, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12/2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30/11/2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023.. Lãi suất trong hạn là 9%, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB- Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.
- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng số 150/2007/0320 ngày 06 tháng 03 năm 2007 và văn bản bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/0320/PL ngày 17 tháng 6 năm 2014, với tổng số tiền cho vay là 49 tỷ đồng bao gồm cả ngoại tệ quy đổi và không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án. Mục đích vay để tài trợ phần máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng phục vụ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, kỳ hạn trả gốc cuối cùng là quý 4 năm 2018. Lãi suất cho vay thả nổi. Hình thức đảm bảo tiền vay là: Toàn bộ là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển- Chi nhánh Bắc Hà Nội là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty và bên thứ ba; nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng; toàn bộ số dư tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà Nội và các tổ chức tín dụng khác.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,

Cho kỳ hoạt động từ

Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (iii) Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Số lãi phải trả đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 được chi trả theo lịch trả nợ từ quý 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 1 năm 2025. Khoản vay kế thừa lại theo các hợp đồng gốc sau:
- Hợp đồng số 08/2008/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2008. Thời hạn vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 6,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 205.304.527.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.
 - Hợp đồng số 01/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 28 tháng 01 năm 2008. Thời hạn vay là 14 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 82.700.000.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.
- (iv) Theo hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ vay dài hạn số 150/1497403/HĐ/01 ngày 31/12/2015, Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay chuyển giao theo hợp đồng gốc số 150/2006/151 ngày 13 tháng 2 năm 2006. Tổng số tiền nhận nợ gốc là 27.500.000.000 đồng và 556.000 USD. Kỳ hạn trả nợ gốc theo quý, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là quý 4 năm 2017. Lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay gồm nhà xưởng và máy móc thiết bị của phân xưởng PE (thuộc nhà máy Đại Cường 1) của Công ty; tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng; các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty là bên thụ hưởng.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,

Cho kỳ hoạt động từ

Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.17. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)***Các giao dịch về vốn với Chủ sở hữu*

	30/09/2017 VND	01/07/2017 VND
Vốn góp của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500 000 000 000	500 000 000 000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	500 000 000 000	500 000 000 000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
 Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
 Cho kỳ hoạt động từ
 Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý III Năm 2017 VND	Quý III Năm 2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	338 012 275 418	222 998 371 209
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán thành phẩm	253 618 518 369	173 972 950 623
- Doanh thu bán hàng hóa	84 393 757 049	49 025 420 586
Các khoản giảm trị doanh thu	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	338 012 275 418	222 998 371 209

6.2. Giá vốn hàng bán

	Quý III Năm 2017 VND	Quý III Năm 2016 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	234 412 468 703	147 025 942 132
Giá vốn hàng hóa đã bán	78 870 267 724	42 895 337 089
Cộng	313 282 736 427	189 921 279 221

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III Năm 2017 VND	Quý III Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	10 842 159	23 863 717
Đầu tư khác		
Lãi chênh lệch tỷ giá	113 265 999	4 715 968 669
Lãi bán hàng trả chậm	2 856 445 292	
Cộng	2 980 553 450	4 739 832 386

6.4. Chi phí tài chính

	Quý III Năm 2017 VND	Quý III Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	14 245 728 044	13 812 947 531
Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá	24 928 765	
Cộng	14 270 656 809	13 812 947 531

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,

Cho kỳ hoạt động từ

Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)****6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng**

	Quý III năm 2017 VNĐ	Quý III năm 2016 VNĐ
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Lương và các khoản trích theo lương	1,607,057,184	1,048,842,000
Phí dịch vụ bảo vệ	556,496,000	434,000,000
Phí ngân hàng	1,368,920,706	1,505,721,578
Phí dịch vụ	345,844,000	198,885,599
Chi phí khác	1,706,606,924	3,912,547,863
Cộng	5,584,924,814	6,033,111,441
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Phí dịch vụ thủ tục xuất khẩu	1,120,812,991	875 955 923
Chi phí khác	172,003,650	394 406 895
Cộng	1 292 816 641	1 270 362 818

6.6. Thu nhập khác

	Quý III Năm 2017 VND	Quý III Năm 2016 VND
Các khoản thu nhập khác	14 362 262	9 113 540 615
Cộng	14 362 262	9 113 540 615

Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6.7. Chi phí khác

	Quý III Năm 2017 VND	Quý III Năm 2016 VND
Các khoản chi phí khác	5 162 567	9 375 619 129
Cộng	5 162 567	9 375 619 129



Nguyễn Thị Mai
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
Người lập